**TUẦN 21**

**TOÁN**

**Bài 65: LUYỆN TẬP 10000 – Trang 20**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**Học xong bài này học sinh đạt được các yêu cầu sau**

* Luyện tập về các số trong phạm vi 100.000
* Luyện tập về so sánh các số trong phạm vi 100.000
* Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học. Tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Cá bơi, cá lượn” để khởi động bài học.  - Giáo viên viết lên bảng các số:  5231 2236 7312 5432  Hỏi:  + HS 1: Tìm số bé nhất ?  + HS 2: Tìm số lớn nhất ?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  - Học sinh quan sát  + Trả lời: 2236  + Trả lời: 7312  - HS lắng nghe.  - 1 HS nêu đề bài. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:   * Luyện tập về các số trong phạm vi 100.000 * Luyện tập về so sánh các số trong phạm vi 100.000   **-** Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  - GV mời H đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp làm bài tập vào bảng con.     |  |  | | --- | --- | | 6 378 .... 53 127 | 24 619 .... 24 619 | | 45 909 .... 42 093 | 77 115 .... 74 810 | | 89 127 .... 89 413 | 93 017 .... 93 054 |   >  <  =        **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Tìm câu sai và sửa lại cho đúng**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài.  - GV cho lớp chia nhóm 2 và thảo luận nội dung.  a) 43 000 > 38 000 b) 4 326 < 4 321  c) 24 387 > 24 598 d) 12 025 > 12 018  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV mời nhóm khác nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3. (Làm việc chung cả lớp)**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - Lớp làm việc chung.  Cho các số sau :    a) Tìm số lớn nhất.  b) Tìm số bé nhất.  c) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.  - GV mời HS nêi kết quả.  - Mời HS khác nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. Số ? (Trò chơi điền số)**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài  ( Số)  a)  b)  c)  d)  - GV hướng dẫn cách chơi, luật chơi:  GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm cử 3 bạn tham gia luân phiên nhau điền số. Học sinh ở dưới vừa cỗ vũ vừa quan sát xem đội nào điền nhanh hơn và đúng là đội thắng.  - Tổ chức chơi  - GV mời các học sinh ở dưới nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  a)  b)  c)  d)  **Bài 5. Chọn chữ đặt dưới hình vẽ có nhiều dây chun nhất: (Làm việc chung cả lớp)**  **( Hình)**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV hướng dẫn học sinh quan sát các hình vẽ A, B, C, D đọc số liệu chỉ số dây chun có ở mỗi hình sau đó so sánh để tìm ra hình có nhiều dây chun nhất bằng cách ghi chữ cái em chọn vào bảng con .  - GV kiểm tra kết quả của cả lớp bằng cách yêu cầu HS giơ bảng con.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Hình C. 2 030 dây chun là số lớn nhất trong các số ở hình A, B, D | - 1 HS đọc yêu cầu.  + Cả lớp làm bảng con.  6 378 < 53 127  45 909 > 42 093  89 127 < 89 413  24 619 = 24 619  77 115 > 74 810  93 017 < 93 054  + HS lắng nghe, sửa sai  - 1 HS nêu yêu cầu bài.  - Lớp thảo luận nhóm 2, làm vào phiếu học tập:  b) 4 326 < 4 321 🡪4 326 > 4 321  c) 24 387 > 24 598🡪24 387 < 24 598  - Đại diện các nhóm trình bày.  + Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS Quan sát các số và so sánh (theo hàng từ bên trái qua phải) để tìm ra số lớn nhất, bét nhất và sắp xếp thứ tự từ lớn đến bé.  a) Số lớn nhất: 18 310  b) Số bé nhất: 18 013  c) 18310; 18 103; 18 031; 18 013  - HS trình bày trước lớp.  - HS khách nhận xét.  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS nghe GV hướng dẫn  Học sinh tham gia chơi và cỗ vũ cho đội chơi.  a)  b)  c)  d)  - Các học sinh ở dưới nhận xét.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cá nhân học sinh, quan sát, đọc số dây chun dưới mỗi hình A,B,C,D và chọn chữ cái C là hình có nhiều dây chun nhất.  - HS giơ bảng con. | |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố kiến thức đã ôn trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 6. Dưới đây là thông tin về chiều dài một số cây cầu ở Việt Nam. Đọc tên các cây cầu đó theo thứ tự từ ngắn nhất đến dài nhất ( Làm việc nhóm 4)**  **( Hình)**  - GV cho HS đọc đề bài và các thông tin trong bài  - Hỏi những cây cầu trong hình ở tỉnh nào ?  - GV chia nhóm 4, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV mời các học sinh ở dưới nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS nêu yêu cầu bài 6.  - HS trả lời theo thông tin trong hình  + Đại diện nhóm nêu câu trả lời cho yêu cầu bài tập.  Tên các cây cầu đó theo thứ tự từ ngắn nhất dến dài nhất là:  - Cầu Long Biên 2 290m  - Cầu Cần Thơ 2 750m  - Cầu Bạch Đằng 3054m  - Cầu Nhật Tân 3900m  + HS nhận xét |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

-----------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**Bài 66: ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG**

**Trang 26, 27**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết và xác định được điểm ở giữa hai điểm khác nhau và trung điểm của một đoạn thẳng.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào hoàn thành các bài tập, giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học. Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng phương tiện, mô hình toán học năng lực gia tiếp toán học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức trò chơi “ Hoa nở, hoa tàn”  - GV mời học sinh lên bảng làm bài   |  |  | | --- | --- | | 7 378 .... 53 127 | 24 639 .... 24 619 | | 55 909 .... 42 093 | 77 335 .... 74 810 | | 89 122 .... 89 413 | 95 017 .... 95 054 |   >  <  =    - GV mời học sinh khác nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương | - Học sinh chơi trò chơi  - Học sinh lên bảng làm bài   |  |  | | --- | --- | | 7 378 < 53 127 | 24 639 > 24 619 | | 55 909 > 42 093 | 77 335 > 74 810 | | 89 122 < 89 413 | 95 017 = 95 017 |   - Học sinh khác nhận xét  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức***:*  **-** Mục tiêu:  Nhận biết và xác định được điểm ở giữa hai điểm khác nhau và trung điểm của một đoạn thẳng. | |
| **Hoạt động khởi động:**  - GV cho HS quan sát tranh SGK, hỏi  + Hai bạn đang làm gì ?  + Quan sát cầu bập bênh nêu những gì em thấy được ở cầu bập bênh ?  + Trục gắn giữa thanh gỗ ở vị trí nào so với thanh gỗ ?  - GV nhận xét, và dẫn vào bài học mới.  **Hình thành kiến thức:**  **1. Điểm ở giữa: ( Hoạt động chung cả lớp)**  **-** Cho HS thực hành vẽ đường thẳng AB vào vở, GV vẽ lên bảng.  - Yêu cầu học sinh đánh dấu 1 điểm C trên đoạn thẳng AB.  - Nêu nhận xét vị trí của 3 điểm A, B, C so với đường thẳng ?  - Em có nhận xét gì về vị trí của điểm C so với hai điểm A và B  - Kết luận: Với 3 điểm A,B,C thẳng hàng như hình vẽ. Ta có điểm C ở giữa hai điểm A và B  - Giáo viên lấy 1 điểm E nằm ngoài đoạn thẳng AB cho học sinh nhận xét điểm E có ở giữa hai điểm A và B hay không ? Vì sao ?  - Giáo viên nhận xét, kết luận:  Điểm E không ở giữa điểm A và B. Vì A, B, C không phải là 3 điểm thẳng hàng.  **2. Trung điểm của đoạn thẳng ( Hoạt động chung cả lớp)**  **-** Cho HS thực hành vẽ đường thẳng MN vào vở, GV vẽ lên bảng.  - Mời học sinh đánh dấu điểm O trên đoạn thẳng MN giống như SGK và hỏi:  + O có nằm giữa hai điểm M và N không ?  + Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - Yêu cầu học sinh đo độ dài đoạn thẳng MO và ON rồi so sánh kết quả đo được.  + Giáo viên nhận xét, tuyên dương, kết luận:  + O ở giữa hai điểm M và N. Độ dài đoạn thẳng MO bằng độ dài đoạn thẳng ON, ta viết MO = NO. Khi đó điểm O được gọi là ***trung điểm*** của đoạn thẳng MN.  - Khi nào điểm ở giữa 2 điểm được gọi là trung điểm ?  - GV mời học sinh nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát tranh vẽ SGK chỉ và nói cho bạn nghe: hai bạn chơi trò bập bênh.  + Trả lời: thanh gỗ để ngồi, tay vịn, trục gắn giữa thanh gỗ.  + Học sinh trả lời ở giữa thanh gỗ.  + HS khác nhận xét  - Học sinh nêu tên bài học  - Học sinh vẽ  - Học sinh thực hiện  - HS trả lời A, B, C là 3 điểm thẳng hàng.  - Học sinh trả lời  - HS khác nhận xét.  - Nhiều học sinh quan sát và trả lời:  Điểm E không ở giữa hai điểm A và B. Vì điểm E không thẳng hàng với điểm A và B  - Học sinh khác nhận xét  - Học sinh vẽ  - Học sinh làm theo  - Học sinh trả lời: O là điểm ở giữa hai điểm M và N  - Học sinh khác nhận xét  - Học sinh đo và nêu nhận xét:  Độ dài đoạn thẳng MO bằng độ dài đoạn thẳng ON.  + Học sinh khác nhân xét  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh trả lời:  Là điểm chia đoạn thẳng đó thành 2 phần bằng nhau |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **-** Mục tiêu:  - Vận dụng được kiến thức đã học vào hoàn thành các bài tập, giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1: Quan sát các hình sau và nêu tên điểm ở giữa hai điểm khác ( HS làm việc theo cặp)**  **(Hình)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 1  - Chỉ vào hình và nêu tên điểm ở giữa hai điểm.  **-** GV mời vài nhóm trình bày kết quả.  **-** Giáo viên nhận xét, tuyên dương, kết luận  *Hình trái: Điểm I ở giữa hai điểm G và Hình phải: Điểm O ở giữa hai điểm A và B, điểm O cũng ở giữa hai điểm C và D*  **Bài 2: Nêu tên trung điểm của mỗi đoạn thẳng có trong hình dưới đây: ( Hoạt động nhóm đôi)**  **(Hình)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 2  - GV hường dẫn hai bạn cùng bàn chỉ vào hình và nêu tên trung điểm của mỗi đoạn thẳng có trong hình cho bạn cùng bàn nghe.  - GV mời các nhóm khác nhận xét  **-** Giáo viên nhận xét, tuyên dương, kết luận  *+ O là trung đểm của đoạn thẳng PQ*  *+ M là trung đểm của đoạn thẳng DB,*  *M là trung đểm của đoạn thẳng AC*  **Bài 3: Quan sát tia số, chọn câu đúng: ( Làm việc cá nhân)**  **(Hình)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 3  - Hướng dẫn học sinh quán sát tia số  - Tìm đoạn thẳng AB  đoạn thẳng BC  đoạn thẳng AB  - Tìm số ứng với mỗi vạch trên tia số  - Xác định trung điểm của mỗi đoạn thẳng và tìm câu trả lời đúng.  - Tổ chức học sinh làm việc cá nhân.  **-** GV nhận xét, tuyên dương. | -1 HS nêu yêu cầu bài  + HS chỉ và đọc tên điểm ở giữa hai điểm khác trong hình đã cho.  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày.  + Các đại diện khác nhận xét  - Học sinh lắng nghe  - 1 HS nêu yêu cầu bài  + Học sinh làm việc theo yêu cầu.  + Đại diện một vài cặp trình bày.  + Các nhóm nhận xét  -1 HS nêu yêu cầu bài tập 3.  + Lắng nghe hướng dẫn  + HS làm bài  + học sinh trình bày kết quả đúng:  a) Trung điểm của đoạn thẳng AB ứng với số 4 200  c) Trung điểm của đoạn thẳng AD ứng với số 4 500  + HS khác nhận xét |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: tìm trung điểm của đoạn dây thép  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4:**  **a) Quan sát các hình sau và chỉ ra những hình ảnh liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng: (Làm việc nhóm 4)**  **(Hình)**  - Yêu cầu học sinh quan sát hình và chỉ ra những hình ảnh liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng rồi chia sẻ cho bạn  **-** GV mời đại diện nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương  **b) Đố em: Có một đoạn dây thép thẳng, làm thế nào để tìm được trung điểm của đoạn dây thép đó ?**  - Phát mỗi nhóm 1 sợi dây thép  - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi tìm trung đểm của sợi dây thép đó.  - Mời nhóm khác nhận xét, chia sẻ cách thực hiện.  - GV nhận xét, tuyên dương  **- Củng cố :**  Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì ? | - HS nêu yêu cầu bài 4.  + Các nhóm làm việc  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét  - Học sinh chia sẻ cách tìm với cả lớp chẳng hạn:  + Lên trên bục giảng thực hiện gấp đôi đoạn dây thép tạo ra hai phần bằng nhau. Điểm bị gấp lại chính giữa chính là trung điểm của đoạn dây thép đó.  + Nhóm khác nhận xét, trình bày nếu có cách tìm khác.  - HS lằng nghe  - Học sinh trả lời:  + Điểm ở giữa  + Trung điểm của đoạn thẳng |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 67: HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH**

**Trang 24, 25**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Có biểu tượng về hình tròn, tâm, đường kính, bán kính của hình tròn. Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn, mối liên hệ giữa đường kính với bán kính của hình tròn, xác định được tâm của hình tròn.

- Phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học, năng lực giải quyết vấn đề , năng lực mô hình hóa toán học. Năng giao tiếp, toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng phương tiện, mô hình toán học năng lực gia tiếp toán học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “ Hoa nở, hoa tàn”  - GV nhận xét | - Cả lớp tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức***:*  **-** Mục tiêu:  . Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn, mối liên hệ giữa đường kính và bán kính của hình tròn, xác định được tâm của hình tròn. | |
| **Hoạt động khởi động: GV cho HS quan sát tranh SGK**.  (Tranh)  - GV hỏi:  Trong tranh, 2 bạn đang làm gì ?  + Bánh xe có dạng hình gì ?  + Vị trí ở giữa bánh xe được gọi là gì ?  - GV nhận xét và dẫn vào bài học mới.  **Hình thành kiến thức:**  **1. Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính ( Hoạt động chung cả lớp)**  **-** GV đính lên bảng hình tròn có tâm O và giới thiệu với học sinh: Hình tròn, điểm O ở chính giữa hình **tròn gọi là** **tâm O**.  - GV đánh dấu 1 điểm M trên đường tròn, Dùng thước thẳng kẻ đoạn OM và giới thiệu với học sinh: **OM là bán kính của hình tròn**.  - GV đánh dấu điểm A trên đường tròn, dùng thước thẳng kẻ đoạn AO kéo dài cắt đường tròn tại điểm B và giới thiệu với học sinh: **AB là đường kính của hình tròn đó.**  GV hỏi học sinh:  - Đường kính có đặc điểm gì ?  - Đường kính AB có mối quan hệ gì với bán kính OM ?  - Nêu nhận xét về vị trí của tâm O trên đường kính AB ?  - So sánh độ dài của đường kính AB và bán kính OM  - Liên hệ với bánh xe, GV mời học sinh lên bảng chỉ tâm của bánh xe  - Giáo viên nhận xét, kết luận | - HS quan sát  - Nhiều học sinh trả lời.  + Hai bạn đang dắt xe đạp.  + Vị trí giữa bánh xe đạp được gọi là trục.  + Học sinh khác nhận xét.  - Học sinh nêu tên bài học  - Học sinh lắng nghe  - HS quan sát, lắng nghe  - HS quan sát, lắng nghe  - Học sinh trả lời.  - Đường kính đi qua tâm của hình tròn đó cắt với hai điểm A, B trên đường tròn  Đường kính AB chính là 2 bán kính OA và OB  - Tâm O là trung điểm của đường kính AB  - Độ dài đường kính gấp 2 lần độ dài của bán kính.  - HS khác nhận xét  - HS lên bảng chỉ. |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **-** Mục tiêu: . Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn, mối liên hệ giữa đường kính và bán kính của hình tròn, xác định được tâm của hình tròn.  - Vận dụng được kiến thức đã học vào hoàn thành các bài tập, giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1: a) Gọi tên hình tròn và các bán kính của mỗi hình sau ( Theo mẫu) Làm việc cá nhân**  **(Hình)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập  - GV giới thiệu **Mẫu : Hình tròn tâm O, bán kính O A**  + GV yêu cầu học cá nhân học sinh thực hiện theo mẫu ở hình tiếp theo  - Mời một số học sinh trình bày kết quả trước lớp.  - GV mời một vài học sinh nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương, hỏi thêm:  Đoạn thẳng KG có phải là bán kính không ?  b) **Gọi tên hình tròn và các đường kính của mỗi hình sau ( theo mẫu): Làm việc cá nhân**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập  - GV giới thiệu **Mẫu : Hình tròn tâm O, bán kính AB**  + GV yêu cầu học cá nhân học sinh thực hiện theo mẫu ở hình tiếp theo  - Mời một số học sinh trình bày kết quả trước lớp.  - GV mời một vài học sinh nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương, hỏi thêm:  + Đoạn thẳng PM có phải là đường kính của hình tròn không ? Vì sao?  + Đoạn thẳng GK có phải là đường kính của hình tròn không ? Vì sao?  **Bài 2: a) Cho hình tròn tâm O có độ dài đường kính bằng 8cm. Tính đội dài bán kính của hình tròn đó.**  **b) Cho hình tròn tâm O có độ dài bán kính bằng 5cm, Tính đội dài đường kính của hình tròn đó. (Làm việc cá nhân)**  - Giáo viên mời học sinh nêu yêu càu bài tập.  - Giáo viên mời học sinh nêu lại mối liên hệ giữa bán kính và đường kính của một hình tròn.  - GV gợi ý học sinh dựa vào mối liên hệ này để thực hiện các yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân, sau đó đổi chéo vở với bạn bên cạnh để kiểm tra cho nhau.  - Mời đại diện vài nhóm trình bày kết quả  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỏi thêm:  + Cách tính bán kính khi biết đường kính?  + Cách tính đường kính khi biết bán kính ?  - GV mời học sinh khác nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3: Xác định tâm của một hình tròn.**  **( Làm việc cá nhân)**  **(Hình)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 3  - Hướng dẫn học sinh quan sát hình tròn là tờ giấy GV đã chuẩn bị sẵn, GV gợi lên ý  + Làm thế nào để xác định tâm của tờ giấy ?  - Mời học sinh nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương, chốt các bước thực hiện như SGK rồi yêu cầu học sinh thực hiện  GV nhận xét, tuyên dương. | -1 HS nêu yêu cầu bài tập  **+** Học sinh lắng nghe  **+** Học sinh chỉ vào hình và nhắc lại  **Hình tròn tâm O, bán kính O A**  **+** Học sinh trình bày:  - Hình tròn tâm H, bán kính HK  - Hình tròn tâm I, bán kính IP, IN, IM  + Học sinh nhận xét .  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập 1b)  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh làm bài cá nhân    - Học sinh trình bày  + Hình tròn tâm E, đường kính PQ  + Hình tròn tâm C, đường kính HD  + Đoạn thẳng PM không phải là đường kính vì nó không đi qua tâm E  + Đoạn thẳng GK không phải đường kính của hình tròn, vì nó không đi qua tâm C  - HS nêu yêu cầu bài  - Học sinh trả lời: Độ dài bán kính gấp 2 lần độ dài đường kính.  + Học sinh làm việc theo yêu cầu.  + Đại diện một vài cặp trình bày.  Học sinh trình bày:  a) Độ dài bán kính của hình tròn đó là: 8:2 = 4cm   1. Độ dài đường kính của hình tròn đó là: 5 x 2 = 10cm   - Học sinh nhận xét  - Học sinh trả lời  + Ta lấy đường kính chia cho 2  + Ta lấy bán kính nhân 2  - Học sinh nhận xét  - Lắng nghe  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập  - Nhiều học sinh trình bày ý tưởng  + Học sinh khác nhận xét  + HS gấp hình, xác định tâm của hình tròn. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: tìm đường kính của bánh xe đạp là bao nhiêu cm.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4: Theo em, đường kính của mỗi bánh xe trong hình dưới đây là bao nhiêu cm ( Làm việc chung cả lớp)**  **(Hình)**  **- GV** êu cầu học sinh quan sát hình xe đạp  **-** GV nêu các câu hỏi gợi ý:  **+** Dựa vào lưới ô vuông em thấy 2 bánh xe có kích thước như thế nào ?  + Mỗi ô vuông trên lưới là bao nhiêu cm ?  + Để biết mỗi bánh xe có đường kính bao nhiêu cm ta làm như thế nào ?  + Yêu cầu học sinh thực hiện đếm nhẩm rồi nêu kết quả  - Bánh xe trước có đường kính là .... cm  - Bánh xe trước có đường kính là .... cm  - GV mời học sinh khác nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  **Củng cố :**  Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì ? | - HS nêu yêu cầu bài 4.  - HS quan sát  - Học sinh trả lời  + Hai bánh xe to nhỏ khác nhau  + Mỗi ô vuông là 5cm  + Đếm số ô vuông rồi tính nhẩm để xác định đường kính của mỗi bánh xe.  - Học sinh nhẩm, trình bày:  - Bánh xe trước có đường kính là 10 cm  - Bánh xe trước có đường kính là 8 cm  - Học sinh khác nhận xét  - Học sinh trả lời: Biết được hình tròn, tâm, đường kính, bán kính |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 68: VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN**

**Trang 26**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Làm quen với com pa, dùng compa để vẽ được đường tròn.

- Vẽ được các đường tròn bằng compa và trang trí

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng phương tiện, mô hình toán học năng lực gia tiếp toán học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Con muỗi”  + GV treo lên bảng 1 hình tròn, yêu cầu học sinh xác định đường tròn, tâm, đường kính, bán kính  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Cho học sinh xem 1 số họa tiết các hình tròn  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.  - Vài học sinh bảng chỉ vào đường tròn, Tâm, đường kính Bán kính  - HS khác nhận xét  - Học sinh nhắc tên bài học |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức***:*  **-** Mục tiêu: - Làm quen với com pa, dùng compa để vẽ được đường tròn.    - Làm quen với com pa, dùng compa để vẽ được đường tròn. | |
| **Hoạt động hình thành kiến thức:**  **Bài 1. Quan sát chiếc compa của em rồi chia sẻ với các bạn cách sử dụng**  **a) Làm quen với compa ( Hoạt động nhóm đôi)**  - GV nêu yêu cầu hai bạn ngồi cùng bàn quan sát compa và nói cho bạn nghe những gì mình quan sát được và hiểu biết của mình về cách sử dụng.  - Mời Học sinh khác nhận xét  + GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu  Để vẽ được đường tròn, ta dùng một dụng cụ rất phổ biến, đó là chiếc compa.  Compa gồm 2 phần (còn gọi là hai chân) nối với nhau bằng 1 bản lề. Hai chân của compa,  một đầu có kìm ở cuối và đầu kia gắn cây bút chì  **b) Làm quen với cách dùng compa để vẽ đường tròn ( Làm việc chung cả lớp)**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trong sách giáo khoa, xem theo các bước hướng dẫn trong SGK và nói cách sử dụng  - Mời học sinh khác nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương, kết luận cách dùng compa để vẽ đường tròn:  => Để vẽ 1 đường tròn bằng commpa ta thực hiện những bước sau:  1. Mở khẩu độ của compa  2. Đặt chân compa có kim tại một điểm (là tâm) trên tờ giấy  3. Quay đầu bút chì trên tờ giấy đúng một vòng (với chân có kìm cố định), đầu chì sẽ vạch trên giấy một đường tròn. ( GV có thể trình chiếu hoặc làm mẫu để học sinh dễ dàng hình dung ra cachcs thực hiện)  - GV yêu cầu học sinh thực hành vẽ đường tròn ra vở nháp và chia sẻ với bạn về cách dùng compa để vẽ đường tròn  c**) Hãy vẽ vào vở của em 1 đường tròn ( Làm việc cá nhân)**  - GV lưu ý cho học sinh nhận thấy được đầu có kim của compa rất nhọn, dễ gây thương tích nên cần cẩn thận khi dùng.  - GV yêu cầu học sinh vẽ 1 đường tròn vào vở theo các bước đã hướng dẫn ở trên  - GV kiểm tra bằng cách mời học sinh giơ tờ giấy có đường tròn vừa vẽ lên trước ngực.  - Chọn 1 số bài nhận xét tuyên dương trước lớp. | - HS quan sát  - Học sinh thảo luận  - Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp  - HS nhóm khác nhận xét.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh quan sát hình làm theo  - Học sinh trình bày.  Học sinh khác nhận xét    - Học sinh lắng nghe  - Học sinh thực hành cá nhân rồi chia sẻ cách cầm compa, xoay compa vẽ đường tròn dễ dàng, không bị xô lệch, cách mở compa để vẽ những đường tròn khác nhau.  - HS thực hành vẽ  - Chia sẻ kết quả làm việc trước lớp |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **-** Mục tiêu:  - Vẽ được các đường tròn bằng compa và trang trí  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 2: Quan sát mỗi hình mẫu dưới đây và thực hiện các yêu cầu ( Làm việc nhóm đôi)**  **(Hình)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 1  **-** Hướng dẫn học sinh quan sát hình mẫu:  + Nêu cách vẽ hình  +Thực hành vẽ hình vào vở  + Đổi vở nói cho bạn nghe cách vẽ của mình.  - GV mời nhiều học sinh chia sẻ cách vẽ  - GV nhận xét, tuyên dương.  **-** GV nhận xét, tuyên dương. | -1 HS nêu yêu cầu bài  - Học sinh quan sát hình mẫu rồi thực hành vẽ. Sau đó đổi vở nói cho bạn nghe về cách vẽ của mình.  Hình 1. Vẽ một hình lớn hơn có bán kính 3 ô vở, vẽ 1 hình nhỏ hơn cách hình tròn lớn 1 ô, có bán kính 2 ô vở. Tâm hai hình tròn cùng nằm trên một đoạn thẳng  Hình 2. Vẽ bên phải một hình tròn lớn có bán kính 3 ô vở, vẽ 1 hình tròn nhỏ hơn có bán kính 2 ô, tâm của hình tròn nhỏ nằm trên cùng một đoạn thẳng với tâm của hình tròn lớn cách tâm hình tròn lớn 4 ô. Hai hình tròn có 1 phần đường tròn chồng lên nhau, vị trí chồng rộng nhất nằm giữa đoạn thẳng chưa hai tâm.  Hình 3. Vẽ hai hình tròn có kích thước như hai hình tròn ở Hình 1 và hai nhưng ta vẽ chúng chồng lên nhau có cùng Tâm. Ta có thể vẽ hình nhỏ trước hoặc vẽ hình lớn trước.  - Học sinh lắng nghe |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: vẽ trang trí hình tròn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 3:**  **a) Vẽ trang trí như các hình dưới đây và tô màu theo ý thích của em ( Làm việc nhóm 4)**  **(Hình)**  - GV cho học sinh thảo luận:  + Hình em cần vẽ có đặc điểm như thế nào ?  + Cách vẽ mỗi hình ?  + Các nhóm thảo luận thống nhất cách vẽ cho nhóm mình rồi tô màu.  + Mời đại diện nhóm trình bày  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét, tuyên dương cách thực hiện hay, sản phẩm đẹp. (Gợi ý nếu học sinh chưa chọn được cách vẽ phù hợp  - Hình bên trái là 2 hình tròn chồng lên nhau đồng tâm, giống cái dĩa, hình tròn lớn có bán kính 3 ô, hình tròn nhỏ trong có bán kính 2 ô. Ta có thể vẽ hình tròn nhỏ trước. Sau đó mở rộng khẩu độ củ compa vẽ tiếp hình tròn lớn hơn hoặc vẽ hình tròn ngoài trước, sau đó khép hẹp khẩu độ của compa vẽ tiếp hình tròn lớn)  b) Giáo viên hướng dẫn tương tự các bước như hình bên trái cho hình bên trái (Gợi ý thêm nếu học sinh chưa chọn cách vẽ sau:  - Hình bên phải có là hình tròn có kích thước bằng nhau với bán kính 3 ô được vẽ chồng lên nhau một góc. Ta vẽ hình tròn bên trái có bán kính 3 ô, sau đó dịch chuyển compa sang phải chọn tâm của hình tròn thứ hai cùng hàng ngang với tâm của hình tròn 1 vừa vẽ một khoảng cách 4 ô, tiếp tục vẽ hình tròn thứ hai, chuyển compa xuống dưới hai hình tròn, chọn tâm là trung điểm của hai tâm của hai hình tròn trên, dóng xuống 1 khoảng 3 ô rồi vẽ hình tròn thứ 3, Ta được hình tròn như mẫu.)  **Củng cố :**  Qua bài học hôm nay con biết thêm được điều gì. | - HS nêu yêu cầu bài 3.  - Học sinh quan sát hình,thảo luận, nhận ra đặc điểm của mỗi hình, thống nhất cách vẽ trong từng nhóm rồi vẽ, trang trí.  + Đại diện nhóm trình bày  + Các nhóm nhận xét, bổ sung với những cách vẽ khác nhau  + Hình bên trái là hai hình tròn chồng lên nhau có cùng tâm, Hình nhỏ có bán kính 2 ô, Hình lớn hơn có bán kính 3 ô.  Vẽ Hình tròn lớn trước, vẽ hình tròn nhỏ sau Hoặc vẽ đường tròn nhỏ trước, vẽ đường tròn lớn sau. Sau đó chọn màu và tô màu cho mỗi hình  + Các nhóm thảo luận đưa ra cách vẽ các hình rồi thực hành vẽ, trang trí theo ý thích  - Học sinh quan sát hình,thảo luận, nhận ra đặc điểm của mỗi hình, thống nhất cách vẽ trong từng nhóm rồi vẽ, trang trí.  + Đại diện nhóm trình bày  + Các nhóm nhận xét, bổ sung thêm cách vẽ khác  - Học sinh lắng nghe  Biết vẽ các đường tròn bằng compa theo mẫu và trang trí theo ý thích |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 69: LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG CHỤC, HÀNG TRĂM**

**Trang 28**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu được cách làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm. Làm tròn được các số đến hàng chục, hàng trăm.

- Vận dụng được cách làm tròn số trong một số trường hợp đơn giản.

- Phát triền các năng lực toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng phương tiện, mô hình toán học năng lực gia tiếp toán học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi “ Con thỏ”  - GV cho cả lớp chơi trò chơi nối tiếp nêu các số tròn chục, tròn trăm theo thứ tự từ bé đến lớn. Bắt đầu cô nêu mẫu số 10  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Giáo viên dẫn dắt nêu tên bài học | - HS tham gia chơi  + Nhiều học sinh nối tiếp nêu các số tròn chục: 20,30,40,50,60,70,80,90  + Các số tròn trăm : 100, 200, 300, 400, 500, 600, 700, 800, 900.  - Học sinh nhắc tên bài học |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức***:*  **-** Mục tiêu:  - Hiểu được cách làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm. Làm tròn được các số đến hàng chục, hàng trăm. | |
| **Hình thành kiến thức:**  **1.Làm tròn đến hàng chục: ( Hoạt động chung cả lớp)**  **(Hình bình sỏi)**  - Cho học sinh quan sát hình SGK và đọc thông tin.  - Bình A có khoảng 300 viên sỏi.  Bình B có khoảng 80 viên sỏi.  - Bình C có khoảng 200 viên sỏi.  - Tại sao câu trả lời của các bạn lại là thế nhỉ ?  - Mời học sinh tìm câu trả lời giúp bạn voi.  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương  **Ví dụ 1: Làm tròn các số 62, 67 đến hàng chục. ( Làm việc chung cả lớp)**  **(Hình tia số)**  - GV mời học sinh đọc ví dụ 1.  - Giáo viên hướng dân học sinh viết các số từ 60 - 70 ra nháp.  **Làm tròn các số 62 đến hàng chục.**  - Yêu cầu học sinh khoanh vào số 62.  - Giáo viên hỏi:  + Trước số 62 có số tròn chục nào gần nhất ?  + Sau số 62 có số tròn chục nào gần nhất ?  + Trong hai số tròn chục 60 và 70, số 62 ở gần số nào hơn ?  -Giáo viên mời học sinh khác nhận xét.  - Giáo viên nhận xé, tuyên dương  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tia số trong SGK  - Hỏi học sinh: số 62 gần với số tròn chục 60 hơn hay là 70 ?  - Giáo viên giới thiệu: Khi làm tròn số 62 đến hàng chục, ta thấy số 62 gần với số 60 hơn số 70. Vậy khi ta làm tròn số 62 đến hàng chục, ta được số 60 ( gọi là làm tròn lùi.)  **- Làm tròn số 67 đến hàng chục.**  - Hỏi học sinh: số 67 gần với số tròn chục 60 hơn hay là 70 ?  - Giáo viên giới thiệu: Khi làm tròn số 67 đến hàng chục, ta thấy số 67 gần với số 70 hơn số 60 ta làm tròn số 67 đến hàng chục, ta được số 70 ( gọi là làm tròn tiến)  Giáo viên hỏi: Qua hai cách làm tròn số 62 và 67 đến hàng chục ta có quy ước làm tròn như thế nào ?  - Yêu cầu học sinh thảo luận hóm đôi trả lời  - Mời đại diện nhóm trình bày  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương, kết luận: Khi làm tròn các số đến hàng chục ta quy ước số làm tròn gần với số tròn chục nào hơn thì ta được số đó.  **Ví dụ 2: Làm tròn số 45 đến hàng chục ( Hoạt động chung cả lớp)**  **(Hình tia số)**  - Giáo viên mời học sinh quan sát và nêu vấn đề: Số 45 cách đều hai số tròn chục 40 và 50 vậy quy ước làm tròn tiến được 40 hay làm tròn lùi được 50 ?  - GV mời học sinh khác nhận xét  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương, kết luận: 45 cách dều hai số tròn chục 40 và 50. Khi làm trón số 45 đến hàng chục ta làm tròn tiến được 50.  - Ứng dụng quy ước GV vừa nêu yêu cầu học sinh  + Làm tròn số 35 được 40  + Làm tròn số 65 được 70  + Làm tròn số 25 được 30  + Làm tròn số 5 được 10  - Giáo viên nhận xét tuyên dương  **Ví dụ 3: Làm tròn số 234, 279 đến hàng trăm ( Hoạt động nhóm 4 )**  (Hình tia số)  - Hướng dẫn học sinh quan sát tia số, giáo viên nêu yêu cầu  + Làm tròn các số 234 đến hàng trăm được...  + Làm tròn các số 279 đến hàng trăm dược...  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương và kết luận:  **\* Ta thấy *số* 234 gần với số 200 hơn 300**  **Vậy khi làm tròn số 234 đến hàng trăm ta được số 200.**  **\* Ta thấy *số* 279 gần với số 300 hơn 200**  **Vậy khi làm tròn số 279 đến hàng trăm ta được số 300.**  **Ví dụ 4: Làm tròn số 450 đến hàng trăm ( Hoạt động chung cả lớp )**  - Giáo viên nêu yêu cầu :  Làm tròn các số 450 đến hàng trăm được...  - Hướng dẫn học sinh quan sát tia số và trả lời  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương, kết luận.  ***Ta nhận thấy số 450 cách đều 2 số tròn trăm 400 và 500. Vậy quy ước làm tròn số 450 đến hàng trăm được 500 ( làm tròn tiến)*** | - Học sinh thực hiện  - Học sinh trả lời  - Học sinh trả lời: Vì bạn nam và bạn nữ không đếm mà chỉ đoán tương đối chính xác số viên sỏi trong mỗi bình nên câu trả lời dùng từ “ có khoảng”.  - Một học sinh đọc ví dụ 1.  - Học sinh viết số và đọc các số đó  : 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70.  - Học sinh khoanh vào số 62.  - Học sinh trả lời:  + Là số 60  + Là số 70  - HS trả lời:  62 ở gần số tròn chục 60 hơn  - Học sinh khác nhận xét,  - Học sinh quan sát tia số và trả lời  + Số 60.  - Học sinh trả lời:  + Số 70.  - Học sinh Lắng nghe  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh trả lời.  - Học sinh nhận xét.  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh suy nghĩ, nêu câu trả lời:  Nhiều ý kiến khác nhau: 40, 50  - Học sinh khác nhận xét.  - Cả lớp lắng nghe.  - Học sinh lần lượt nêu kết quả  + Làm tròn số 35 được 40  + Làm tròn số 65 được 70  + Làm tròn số 25 được 30  + Làm tròn số 5 được 10  - Học sinh nhận xét  - Các nhóm thảo luận  - Đại diện nhóm trình bày  Làm tròn các số 234 đến hàng trăm được 200  Làm tròn các số 279 đến hàng trăm được 300  - Các nhóm khác nhận xét  - Học sinh suy nghĩ trả lời  Làm tròn các số 450 đến hàng trăm được 500  - Nhều học sinh khác nhận xét |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **-** Mục tiêu:  - Vận dụng được kiến thức đã học vào hoàn thành các bài tập, giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1: Quan sát tia số sau rồi làm tròn các số 44, 57, 72, 85 đến hàng chục ( HS làm việc theo cặp)**  **(Hình tia số)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 1  - Hướng dẫn học sinh hoạt động hóm hoàn thành bài tập vào phiếu  Làm tròn số **44**  đến hàng chục được...  Làm tròn số **57** đến hàng chục được...  Làm tròn số **72** đến hàng chục được...  Làm tròn số **85** đến hàng chục được...  - Mời các nhóm khác nhận xét  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương  **Bài 2: Quan sát tia số sau rồi làm tròn các số 312, 350, 384 đến hàng trăm ( HS làm việc theo cặp)**  **(Hình tia số)**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 2  - Hướng dẫn học sinh hoạt động hóm hoàn thành bài tập vào phiếu.  Làm tròn số:  **312**  đến hàng trăm được...  **350**  đến hàng trăm được...   1. đến hàng trăm được...   - Mời đại diện trình bày  + Mời các nhóm khác nhận xét  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương | -1 HS nêu yêu cầu bài  - Các nhóm thảo luận  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày.  Làm tròn số **44**  đến hàng chục được **40**  Làm tròn số **57** đến hàng chục được **60**  Làm tròn số **72** đến hàng chục được **70**  Làm tròn số **85** đến hàng chục được **90**  + Các đại diện khác nhận xét  - Học sinh lắng nghe  -1 HS nêu yêu cầu bài  - Các nhóm thảo luận  + Đại diện nhóm lên bảng trình bày.  Làm tròn số:  **312**  đến hàng trăm được **300**  **350**  đến hàng trăm được **400**  **384**  đến hàng trăm được **400**  + Các đại diện khác nhận xét  - Học sinh lắng nghe |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: Đọc số kẹo có trong mỗi hộp, xác định số kẹo khi làm tròn đến hàng trăm là 200, từ đó đưa ra đáp án đúng.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 3:**  **Đức muốn chọn một hộp kẹo có khoảng 200 viên. Theo em, Đức nên chọn hộp kẹo nào ? ( Làm việc nhóm 2)**  **(Hình)**  - Mời học sinh đọc yêu cầu bài tập 3.  - Mời học sinh đọc số kẹo có trong mỗi hộp A, B, C, D  - GV nêu 2 câu hỏi và yêu cầu học sinh thảo luận  - Giáo viên mời đại diện các nhóm trình bày  + Đức muốn chọn hộp kẹo có khoảng bao nhiêu viên ?  + Vậy khi chọn kẹo, Đức nên chọn hộp kẹo nào ? Vì sao ?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Củng cố :**  Qua bài học hôm này con biết thêm được điều gì ? | - HS nêu yêu cầu bài 3.  - Học sinh đọc  + Các nhóm làm việc  - Đại diện các nhóm trình bày  + Đức muốn chọn hộp kẹo có khoảng 200 viên  + Đức nên chọn hộp kẹo A. Vì hộp A có số kẹo được làm tròn là 200 viên.  + Nhóm khác nhận xét  Biết quy ước làm tròn các số đến hàng chục, hàng trăm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |